

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS - ST

Ngày: 16/7/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2020/TLST – DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H;

Địa chỉ: 25 Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Ngọc S; Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng H - chi nhánh Sóc Trăng; (theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2020) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 179 – 179A Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Hồ Thị T; sinh năm: 1968; (Vắng mặt)

Ông Bùi Văn L; sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 15/7/2021, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H trình bày:

Bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L có ký với Ngân hàng H (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng vay vốn, cụ thể:

Hợp đồng số: 8839/19MN/HĐTD ngày 26/3/2019; khế ước nhận nợ số 8839/19MN/HĐTD/KUNN/01 ngày 12/12/2018, số tiền vay là: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh; Lãi suất vay: 13%/năm. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN697367 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/11/2018 do bà Hồ Thị T đứng tên. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6999/19MN/HĐMB ngày 26/3/2019. Tài sản thế chấp được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L không thanh toán nợ gốc và lãi đúng theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bà T và ông L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng ông bà không thực hiện.

Tại đơn đề nghị xét vắng mặt, đại diện ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/7/2021 với tổng số tiền là 92.776.198 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi tám đồng) (trong đó gốc là 73.333.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng; lãi trong hạn: 16.839.469 đồng (mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng); và lãi quá hạn: 2.603.729 đồng (Hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng) và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà T và ông L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H.

2. Trường hợp bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L, thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T và ông L nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bà T và ông L được bà T và ông L đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/7/2021 với tổng số tiền là 92.776.198 đồng(Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi tám đồng) (trong đó gốc là 73.333.000đồng(Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng; lãi trong hạn: 16.839.469 đồng (mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng); và lãi quá hạn: 2.603.729 đồng(Hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng) và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà T và ông L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H. Trường hợp bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà T và ông L nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bà T và ông L được vì họ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà T và ông L. Bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 235, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L hoàn trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/7/2021 với tổng số tiền là 92.776.198 đồng (trong đó gốc là 73.333.000đồng (Bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng; lãi trong hạn: 16.839.469 đồng (mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm sáu

mười chín đồng); lãi quá hạn: 2.603.729 đồng(Hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bà T và ông L trả xong số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: Hợp đồng số: 8839/19MN/HĐTD ngày 26/3/2019; khế ước nhận nợ số 8839/19MN/HĐTD/KUNN/01 ngày 27/3/2019 (bút lục 17, 22, 23, 24), các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của bà T và ông L ở mục bên vay và bên nhận nợ. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T và ông L biết, nhưng bà T và ông L không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà T và ông L đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì bà T và ông L không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc bà Thủy và ông L không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà T và ông L là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà T và ông L hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 73.333.000đồng và lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số: 8839/19MN/HĐTD ngày 26/3/2019 thì Ngân hàng và bà T, ông L đã giao kết mức lãi suất cho vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, nên bà T và ông L phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bà T và ông L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/7/2021, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số: 8839/19MN/HĐTD ngày 26/3/2019 là 16.839.469 đồng (mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng); và lãi quá hạn: 2.603.729 đồng(Hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

Như vậy, bị đơn bà T và ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh dư nợ tính đến ngày 16/7/2021 số tiền vay gốc là 73.333.000đồng (Bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng; lãi trong hạn: 16.839.469 đồng (mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng); và lãi quá hạn: 2.603.729 đồng(Hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn bà T và ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với Hợp đồng thế chấp thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN697367 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/11/2018 do bà Hồ Thị T đứng tên. Ngày 10/12/2020 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Trên phần đất thế chấp có căn nhà cấp 4. Tại thời điểm xem xét thẩm định, căn nhà đóng cửa. Ngoài ra trên phần đất thế chấp ngoài căn nhà cấp 4, không có công trình, vật kiến trúc gì khác. Phần tài sản này thuộc quyền sở hữu của bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L. Hiện nay không ai quản lý, sử dụng

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của bà T và ông L đối với thửa đất nêu trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông L và bà T. Mặt khác về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L phải chịu 1.050.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng đã nộp xong nên bà T và ông L có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L phải chịu 4.638.809 đồng (Bốn triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H. Buộc bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày ngày 16/7/2021 với số tiền vay gốc là 73.333.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng; lãi trong hạn: 16.839.469 đồng (mười sáu triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm sáu mươi chín đồng); và lãi quá hạn: 2.603.729 đồng (Hai triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng), tổng cộng là 92.776.198 đồng (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi tám đồng và bà T, ông L còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 17/7/2021 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Trường hợp bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng H, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 6999/19MN/HĐMB ngày 26/3/2019 để thế chấp tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN697367 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 07/11/2018 do bà Hồ Thị T đứng tên, đối với thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 1; diện tích 400,2m² thửa đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng;

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L phải chịu 1.050.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh đã nộp xong nên bà T và ông L có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.050.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Hồ Thị T và ông Bùi Văn L phải chịu 4.638.809 đồng (Bốn triệu, sáu trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 2.342.000 đồng (Hai triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00007256 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà